

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 1

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I: Đọc hiểu (4 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Một duyên hai nợ âu đành phận,

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,

Có chồng hờ hững cũng như không.

(Thương vợ - Trần Tế Xương)

1. Xác định phong cách ngôn ngữ chính được sử dụng trong văn bản trên?
2. Xác định thể thơ được sử dụng trong văn bản trên?
3. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong hai câu thơ sau? Nêu hiệu quả sử dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

Một duyên hai nợ âu đành phận,

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Phần II: Làm văn (6 điểm)

Anh (chị) hãy phân tích bi kịch tha hoá của nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao?

Đáp án đề 1**Phần I: Đọc hiểu**

1.

* **Phương pháp:** Căn cứ vào đặc điểm của các phong cách ngôn ngữ đã học: sinh hoạt, nghệ thuật, báo chí, chính luận, hành chính – công vụ.

* **Cách giải:**

- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

2.

* **Phương pháp:** Căn cứ vào đặc điểm của các thể thơ mà em đã học.

* **Cách giải:** Thể thơ thất ngôn bát cú.

3.

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các biện pháp nghệ thuật mà em đã học.

* **Cách giải:**

- Biện pháp nghệ thuật: Sử dụng thành ngữ “một duyên hai nợ” và “năm nắng mười mưa”

- Tác dụng: thành ngữ và cách nói tăng cấp “một duyên hai nợ”, “năm nắng mười mưa” đã khắc họa cuộc đời cơ cực, tủ nhục của bà Tú. Bà với ông Tú, duyên thì ít mà nợ thì nhiều. Ông Tú tự thấy mình là một gánh nợ trong suốt cuộc đời người vợ. Nhưng người mẹ, người vợ đó không hề ý thức rằng đó là sự hi sinh. Như bao người phụ nữ Việt Nam khác, bà làm mọi việc một cách tự nhiên, âm thầm, không hề đòi hỏi, oán trách. Bà Tú coi đó như một lẽ thường tình, nào có kể công.

Phần II: Làm văn

* **Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

*** Cách giải:**

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Nam Cao là cây bút xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại. “Đến Nam Cao, chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945 mới thực sự tự giác đầy đủ về những nguyên tắc sáng tác của nó”. Những sáng tác của ông xoay quanh hai đối tượng chính là người nông dân nghèo và người trí thức nghèo.
- *Chí Phèo* thuộc thể loại truyện ngắn nhưng có dung lượng của tiểu thuyết. Tác phẩm này đã đưa Nam Cao lên vị trí là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc nhất trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Phân tích

2.1 Giới thiệu nhân vật

- Xuất thân: là đứa trẻ mồ côi bị bỏ rơi ở lò gạch cũ, được anh đi thả ống lươn nhặt được, mang về cho một bà góa mù, bà góa mù bán cho bác phó cối không con, bác phó cối mất đi thì sống trong sự đùm bọc của dân làng.
→ Mồ côi, bị trao qua đổi lại, lớn lên trong sự cưu mang của cộng đồng.
- Khi lớn lên (20 tuổi): Chí Phèo làm canh điền cho nhà Bá Kiến, lành như đất → lương thiện đích thực:

+ Cày cấy thuê để kiếm sống.

+ Khi bị bà ba gọi vào bóp chân, Chí chỉ thấy nhục → có lòng tự trọng.

+ Mơ ước về mái ấm hạnh phúc, giản dị: chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải...

→ Là một người lương thiện.

2.2 Phân tích bi kịch tha hóa của Chí Phèo

* Từ người nông dân hiền lành, lương thiện bị biến thành thằng lưu manh.

(+) Nguyên nhân:

- Do Bá Kiến: ghen, đẩy Chí Phèo vào tù.

- Do nhà tù đã nhào nặn, tha hóa Chí

→ Xã hội phi lý, bất công, ngang trái.

(+) Biểu hiện:

- Nhân hình:

+ Gương mặt: Cái đầu trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt cong cong, hai mắt gườm gườm...

+ Trang phục: Mặc áo tây vàng với quần nái đen, phanh áo để lộ hình xăm...

- Nhân tính:

+ Uống rượu đến say khướt.

+ Chửi bới.

+ Đánh nhau.

+ Ăn vạ

+ Liều lĩnh, thách thức.

→ Thằng lưu manh hung hăng, liều lĩnh.

* Bị tha hóa từ thằng lưu manh trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại.

(+) Nguyên nhân:

- Do sự khôn ngoan, gian xảo của Bá Kiến.

- Do sự khờ khạo, u mê của Chí Phèo.

(+) Biểu hiện:

- Nhân hình: biến thành mặt một con vật lạ.

- Nhân tính:

+ Triền miên trong những cơn say → làm bất cứ cái gì mà người ta sai → gây tội ác.

+ Đoạn văn mở đầu tác phẩm: “Hắn vừa đi vừa chửi...” → sự phẫn uất, cô độc cùng cực của Chí Phèo.

3. Tổng kết

- Chí Phèo là một nhân vật điển hình bất hủ của văn xuôi Việt Nam hiện đại. “Hiện tượng Chí Phèo” in đậm dấu ấn của thời kì Tiền khởi nghĩa 1940 – 1945.

- Nam Cao đã rất thành công trong việc tạo dựng hình tượng nhân vật Chí Phèo thông qua bút pháp miêu tả tâm lý nhân vật sắc sảo, giọng kể độc đáo, có sự kết hợp giữa lời trực tiếp với lời nửa trực tiếp.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 2

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm
Thương nhau tre không ở riêng
Lũy thành từ đó mà nên hỡi người
Chẳng may thân gãy cành rơi
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng
Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường
Lung trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con.

(*Tre Việt Nam* – Nguyễn Duy)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên (0,5 điểm)

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn thơ (1 điểm)

Câu 3: Nêu hai biện pháp tu từ tác giả sử dụng chủ yếu trong đoạn thơ trên (0,5 điểm)

Câu 4: Hai dòng thơ: “Lung trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con” biểu đạt vấn đề gì? Trả lời trong khoảng 5–7 dòng (1 điểm)

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Phân tích cảnh cho chữ trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của **Nguyễn Tuân**.

Đáp án đề 2

Phần I. Đọc hiểu

Câu 1:

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các phương thức biểu đạt đã học: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, hành chính – công vụ

* **Cách giải:**

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

Câu 2:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Qua chuyện cây tre tác giả ngợi ca phẩm chất con người Việt Nam luôn vượt qua khó khăn bằng sức sống bền bỉ, tình yêu thương và tinh thần đoàn kết gắn bó với nhau.

Câu 3:

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các biện pháp tu từ đã học

* **Cách giải:**

- Ẩn dụ (cây tre ẩn dụ cho con người Việt Nam)

- Nhân hóa (trong các câu: Bao bọc thân bọc lấy thân/ Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm/ Thương nhau tre không ở riêng/ Lung trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cuốc tre nhường cho con).

Câu 4:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp, bình luận

* **Cách giải:**

Biểu đạt tinh thần chịu thương chịu khó, hi sinh bản thân vì con của cây tre cũng tức là của con người Việt Nam. (Học sinh có thể diễn đạt theo cách khác nhau nhưng phải hợp lý, có sức thuyết phục).

Phần II. Làm văn

*Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

* Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Nguyễn Tuân là cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại, là một nhà văn có cá tính độc đáo, có thể coi ông là một định nghĩa về người nghệ sĩ.
- Nét nổi bật trong phong cách của Nguyễn Tuân là ở chỗ, Nguyễn Tuân luôn nhìn sự vật ở phương diện văn hóa và mỹ thuật, nhìn con người ở phẩm chất nghệ sĩ và tài hoa. Sáng tác của Nguyễn Tuân thể hiện hài hòa màu sắc cổ điển và hiện đại. Đặc biệt, ông thường có cảm hứng mãnh liệt với cái cá biệt, phi thường, dữ dội và tuyệt mỹ.
- Truyện ngắn *Chữ người tử tù* lúc đầu có tên là *Dòng chữ cuối cùng*, in lần đầu tiên năm 1938 trên tạp chí Tao đàn, sau được lựa chọn vào tập truyện *Vang và bóng một thời*, 1940. Các lần tái bản sau, *Vang và bóng một thời* được đổi tên là *Vang bóng một thời* và *Dòng chữ cuối cùng* được đổi tên là *Chữ người tử tù*.

2. Phân tích

* Cảnh cho chữ - cảnh tượng xưa nay chưa từng có

- Tóm tắt nội dung chính tác phẩm

- Vị trí của cảnh cho chữ

Tình huống cho chữ chưa từng có

- Địa điểm cho chữ đặc biệt:

+ Thông thường cho chữ ở nơi thư phòng yên tĩnh, không khí trang trọng.

+ Cảnh cho chữ lại diễn ra ở địa điểm nhà tù tối tăm, ẩm thấp, mặt đất đầy phân chuột, phân gián.

- Thời điểm cho chữ:

+ Khi người viết chữ ở vào tâm thế thoải mái, thanh thản, tâm tĩnh để tạo ra nét chữ giàu ý nghĩa.

+ Cảnh cho chữ trong tác phẩm: đêm khuya, thời khắc cuối đời của người cho chữ.

- Vị thế của người cho chữ và người xin chữ có sự đảo lộn

+ Người cho chữ: người sáng tạo ra cái đẹp, ở vị thế của tử tù, người ban phát cái đẹp, giáo dục quản tù

+ Người xin chữ: quản ngục, được giáo dục.

=> Cảnh tượng chưa từng có

Nghệ thuật: Dùng thủ pháp đối lập tương phản để dựng lên song hành cảnh nhà giam và cảnh cho chữ

=> Nhà văn truyền tải thông điệp: sự chiến thắng tất yếu của cái đẹp của cái thiện ở trên cuộc đời này.

- Sự cảm hóa chưa từng có:

+ Lời khuyên của tử tù khuyên quản ngục giữ thiên lương

+ Hành động của quản ngục: “kẻ mê muội này xin bái lĩnh”

Ý nghĩa của cảnh cho chữ:

- Tỏa sáng vẻ đẹp của các nhân vật

- Làm nổi bật giá trị tư tưởng của tác phẩm.

- Tài năng nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Tuân:

+ Phát huy cao độ bút pháp lãng mạn (vượt xa cái nhạt nhòa, tầm thường)

+ Nổi bật nghệ thuật đối lập tương phản

+ Dàn dựng theo nghệ thuật điện ảnh (nhịp điệu chậm rãi, cảnh hiện ra như cuốn phim điện ảnh, mảng tối, sáng, nhân vật hiện lên rõ nét)

+ Từ Hán Việt (dựng lại không khí thời đã qua, cổ kính, trang nghiêm, bí tráng)

3. Kết bài

- Khái quát và mở rộng vấn đề

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 3**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc kỹ văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Còn gì đáng buồn hơn khi mà giàu có về vật chất thì lại nghèo nàn đến thảm hại về văn hóa tinh thần,... Một bộ phận thanh niên bây giờ nghĩ nhiều, nói nhiều đến tiền bạc, hưởng thụ. Ăn mặc đẹp, tiện nghi, hiện đại lắm nhưng con người thì vô cùng mỏng. Gió thổi nhẹ là bay biến tứ tán ngay. Ngày trước dân ta nghèo nhưng đức dày, nhân cách vững vàng, phong ba bão táp không hề gì,... chung quy tại giáo dục mà ra. Cha mẹ bây giờ chiều con quá, không để chúng thiếu thốn gì. Vì thế mà chúng rất mong manh, dễ vỡ, dễ hư hỏng...”

(Theo Nguyễn Khải, báo Đầu tư, sách Ngữ Văn 11 Nâng cao, NXB Giáo dục, 2014)

Câu 1: Văn bản trên nói về hiện tượng gì trong đời sống? (0,5 điểm)

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 3: Trong văn bản trên có sử dụng thành ngữ. Hãy ghi lại chính xác và giải thích ý nghĩa của thành ngữ đó. (1,0 điểm)

Câu 4: Chữ “mỏng” trong văn bản được hiểu như thế nào? (1,0 điểm)

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm):

Anh/chị có đồng tình với quan điểm được nêu lên ở phần Đọc - hiểu: “Cha mẹ bây giờ chiều con quá, không để chúng thiếu thốn gì. Vì thế chúng rất mong manh, dễ vỡ, dễ hư hỏng”.

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 12-15 dòng) trình bày suy nghĩ của mình.

Câu 2: (5,0 điểm):

Về một phẩm chất mà anh/chị cho rằng nổi bật ở nhân vật Huân Cao trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của nhà văn Nguyễn Tuân.

Đáp án đề 3

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Văn bản nói về hiện tượng một bộ phận thanh niên mãi chạy theo những nhu cầu về vật chất, không chú trọng đến đời sống văn hóa tinh thần.

Câu 2:

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các phương thức biểu đạt đã học: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, hành chính – công vụ

* **Cách giải:**

- Phương thức biểu đạt chính của văn bản là nghị luận.

Câu 3:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Thành ngữ được sử dụng trong văn bản là “phong ba bão táp”.

- Thành ngữ “phong ba bão táp” có nghĩa là những khó khăn, gian khổ.

Câu 4:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Chữ “mỏng” có nghĩa là sự yếu đuối, kém cỏi về đạo đức, nhân cách, nghị lực, sức mạnh, bản lĩnh, ý chí,... không đủ sức chống đỡ những thử thách gian khổ trong cuộc sống.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

* **Phương pháp:** Sử dụng các thao tác lập luận để tạo lập một đoạn văn nghị luận (bàn luận, so sánh, tổng hợp,...)

* **Cách giải:**

a. Yêu cầu về kỹ năng: đảm bảo cấu trúc đoạn văn, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả; đảm bảo tương đối dung lượng như yêu cầu của đề.

b. Yêu cầu về kiến thức:

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.

- Bày tỏ sự đồng tình hoặc không đồng tình và biết cách lập luận bảo vệ ý kiến của bản thân

(Đồng tình vì cha mẹ hiện nay thương con mù quáng nên chiều theo sở thích cá nhân của con vô điều kiện; do điều kiện về kinh tế vật chất đi lên so với thời đại trước nên muốn bù đắp cho con; không muốn con thua sút bạn bè; con cái đòi hỏi ở cha mẹ nhiều hơn nên nếu gặp khó khăn, trở ngại trẻ không có bản lĩnh để vượt qua trở nên yếu đuối tự ti, bạc nhược.

Không đồng tình vì cha mẹ bây giờ dạy con có nhiều phương pháp tiên tiến: cung cấp vật chất nhưng không thỏa mãn, dạy con tự lập, làm giàu chính đáng, chú trọng rèn kỹ năng sống cho con nên thanh niên bây giờ bản lĩnh và nhiều khao khát. Rất nhiều bạn trẻ đã thành công và rạng danh đất nước...)

- Phân tích, bàn luận vấn đề: Học sinh phân tích, bàn luận vấn đề theo quan điểm mình đưa ra ở trên.

- Liên hệ bản thân

Câu 2:

*** Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

*** Cách giải:****Yêu cầu hình thức:**

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

Học sinh có thể chọn bất cứ phẩm chất nào của nhân vật để làm sáng tỏ.

1. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm
- Giới thiệu nhân vật Huân Cao

2. Thân bài:

- Nguyên mẫu: Cao Bá Quát, nhân vật lỗi lạc thời trung đại
- Vẻ đẹp nhân vật Huân Cao:

* Huân Cao là người nghệ sĩ tài hoa:

- + Là người có “tài viết chữ rất nhanh, rất đẹp”. Hơn thế mỗi con chữ của Huân Cao còn chứa đựng khát vọng, hoài bão tung hoành cả đời người.
- + “Có được chữ ông Huân là có được báu vật ở đời”.

→ Ca ngợi nét tài hoa của Huấn Cao, Nguyễn Tuân đã thể hiện tư tưởng nghệ thuật của mình: kính trọng những con người tài hoa tài tử, trân trọng nghệ thuật thư pháp cổ truyền của dân tộc

* Là anh hùng có khí phách hiên ngang

+ Thể hiện rõ nét qua các hành động: gõ gông, thản nhiên nhận rượu thịt

+ Trong mọi hoàn cảnh khí phách hiên ngang ấy vẫn không thay đổi

* Là người có thiên lương trong sáng, nhân cách cao cả

+ Quan niệm cho chữ: trừ chỗ tri kỉ ngoài ra không vì vàng bạc châu báu mà cho chữ

+ Đối với quản ngục: Khi chưa hiểu tấm lòng quản ngục Huấn Cao cho hắn là kẻ tiểu nhân tỏ ra khinh biệt. Khi nhận ra tấm lòng quản ngục Huấn Cao không những cho chữ mà còn coi quản ngục là tri âm tri kỉ.

→ Huấn Cao là hình tượng của vẻ đẹp uy nghi giữa tài và tâm của người nghệ sĩ, của bậc anh hùng tuy thất thế nhưng vẫn hiên ngang.

* Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

- Đặt nhân vật vào tình huống truyện độc đáo, bộc lộ vẻ đẹp nhân vật.

- Khắc họa nhân vật mang nhiều dấu ấn của chủ nghĩa lãng mạn. Huấn Cao cũng giống như phần lớn các nhân vật trong truyện của Nguyễn Tuân. Họ là những tài hoa, tài tử, có tính cách, phẩm chất phi thường.

- Thủ pháp cường điệu, phóng đại, đối lập.

- Ngôn ngữ giàu chất tạo hình, nhiều từ Hán việt, cổ kính, gợi lại không khí, khẩu khí của thời đã qua

3. Kết bài:

- Nêu cảm nhận chung.

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 4**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)****Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Hãy nhìn dòng người đang cuộn chảy trên đường phố trong cái ngột ngạt của trưa hè nóng bức, ai cũng nghẹt thở vì chất thải của động cơ xe máy, ô tô cho dù khẩu trang che kín mũi miệng. Hậu quả sẽ ra sao với sức khỏe của con người? Khó mà lường được. Nhưng trước mắt thì vẫn cứ phải tồn tại bằng cách thở hít vào phổi cái khói bụi độc hại đó để mà bươn chải với cuộc mưu sinh.

Ai đó mong có dịp về nông thôn để được hít thở không khí trong lành, sẽ khó tránh khỏi cảm giác thất vọng. Sự trong lành mà họ trông đợi đang bị hủy hoại nghiêm trọng bởi chất thải công nghiệp, chất thải vô tội vạ của làng nghề, chất thải từ “mạnh ai nấy được” trong nuôi trồng thủy sản.... Sông Cầu tiếp nhận thêm ít nhất 180.000 tấn phân hóa học, 1.500 tấn thuốc trừ sâu! Lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy bị nước thải đô thị xối thẳng trực tiếp làm nước sông đen ngòm và đang bốc mùi. Sông Thị Vải trong lưu vực sông Đồng Nai đã có đoạn bị chết kéo dài sau khu vực hợp lưu Suối Cả, Đồng Nai đến khu công nghiệp Mĩ Xuân...

Trở lại với chuyện thường ngày ở cái vạch dừng xe trên đường phố. Trong cái nóng thiêu đốt, tiếng gầm gào của các loại động cơ ô tô, xe máy làm cho bầu không khí càng thêm ngột ngạt. Rồi đây, “dân giàu” lên thêm, ô tô càng nhiều thêm, nơi vạch dừng xe của đường phố không thể mở rộng hơn để tương thích với sự phát triển đó sẽ càng thêm ngột ngạt và nghẹt thở.

(Theo Tương Lai, Môi trường và phát triển, báo điện tử Nguoidaibieu.com.vn)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên. (0.5 điểm)

Câu 2. Nội dung cơ bản của đoạn văn trên là gì? (0.5 điểm)

Câu 3. Theo tác giả bài viết, về nông thôn con người có tìm được không khí trong lành không? Vì sao? (1.0 điểm)

Câu 4. Hãy trả lời ngắn gọn câu hỏi của tác giả bài viết: Hậu quả sẽ ra sao với sức khỏe của con người khi môi trường sống bị ô nhiễm nặng nề? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN: (7.0 điểm)

Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật Chí Phèo (*Chí Phèo* – Nam Cao) từ khi bị thị Nở từ chối tình yêu đến khi đâm chết Bá Kiến và tự sát.

Đáp án đề 4**I. ĐỌC HIỂU****Câu 1:**

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các phong cách ngôn ngữ đã học: sinh hoạt, nghệ thuật, báo chí, chính luận, hành chính – công vụ

* **Cách giải:**

- PCNN: Báo chí

Câu 2:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Nội dung văn bản: Tình trạng ô nhiễm môi trường trầm trọng ở cả thành thị lẫn nông thôn hiện nay.

Câu 3:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Theo tác giả, về nông thôn cũng không được hưởng không khí trong lành bởi nông thôn hiện nay cũng đang bị ô nhiễm nặng nề vì chất thải công nghiệp, chất thải của làng nghề, chất thải trong nuôi trồng thủy sản....

Câu 4:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề đến sức khỏe của con người:

- Mắc các bệnh về hô hấp, tim mạch, tiêu hóa...
- Tăng nguy cơ ung thư, dị tật bẩm sinh...

II. LÀM VĂN

* Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

* Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Nam Cao là cây nút xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại. “Đến Nam Cao, chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945 mới thực sự tự giác đầy đủ về những nguyên tắc sáng tác của nó”. Những sáng tác của ông xoay quanh hai đối tượng chính là người nông dân nghèo và người trí thức nghèo.
- *Chí Phèo* thuộc thể loại truyện ngắn nhưng có dung lượng của tiểu thuyết. Tác phẩm này đã đưa Nam Cao lên vị trí là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc nhất trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Phân tích

Giới thiệu nhân vật

- Xuất thân: là đứa trẻ mồ côi bị bỏ rơi ở lò gạch cũ, được anh đi thả ống lươn nhặt được, mang về cho một bà góa mù, bà góa mù bán cho bác phó cối không con, bác phó cối mất đi thì sống trong sự đùm bọc của dân làng.

→ Mồ côi, bị trao qua đổi lại, lớn lên trong sự cưu mang của cộng đồng.

- Khi lớn lên (20 tuổi): Chí Phèo làm canh điền cho nhà Bá Kiến, lành như đất → lương thiện đích thực:

+ Cày cấy thuê để kiếm sống.

+ Khi bị bà ba gọi vào bóp chân, Chí chỉ thấy nhục → có lòng tự trọng.

+ Mơ ước về mái ấm hạnh phúc, giản dị: chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải...

→ Là một người lương thiện.

Diễn biến tâm trạng Chí Phèo sau khi gặp Thị Nở:

* Mối quan hệ Thị Nở và Chí Phèo: Là quan hệ trực tiếp thể hiện phần nhân tính chìm khuất cũng như bị kịch bị từ chối quyền làm người của Chí.

- Sự xuất hiện của Thị Nở có một ý nghĩa khá đặc biệt trong việc thể hiện số phận, tính cách nhân vật Chí.

+ Dưới mắt người dân làng Vũ Đại, thị Nở nghèo, xấu, dở hơi, là dòng dõi của nhà “có ma hủi”. Nhưng với Chí thì thị Nở là người “có duyên”. Bởi vì thị không chỉ là người mà còn là ước mơ hạnh phúc của Chí, thị đã giúp Chí phát hiện lại chính mình.

+ Nhưng thị cũng là nỗi đau sâu thẳm của Chí. Nghèo xấu, dở hơi... thế mà Chí vẫn không “xúng đời” với thị → Tô đậm cái bi đát, hẩm hiu trong số phận Chí.

*** Việc gặp Thị Nở như một bước ngoặt trong cuộc đời Chí. Tình yêu của Thị Nở dành cho Chí đã thức tỉnh linh hồn của Chí, kéo Chí từ thú vật trở lại làm người**

- Chí có sự thay đổi về tâm lý:

+ Hấn thấy hần già mà vẫn cô độc.

+ Đói rét, bệnh tật hẳn có thể chịu được nhưng hẳn sợ nhất là sự cô độc.

- Chí cảm nhận được âm vang cuộc sống chung quanh mình:

+ Tiếng chim hót trong lành buổi sáng.

+ Tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá ven sông.

+ Tiếng người cười nói đi chợ về.

- Chí hồi tưởng về quá khứ và hi vọng trong tương lai.

+ Có một thời hẳn mơ ước có cuộc sống gia đình “Chồng cấy thuê... làm”.

+ Thị sẽ mở đường cho Chí trở lại cuộc sống lương thiện.

*** Khi bị thị Nở dứt tình thì tâm trạng của Chí có nhiều thay đổi: Chí ngạc nhiên sau đó Chí chột hiểu. Quá trình diễn biến tâm lý đầy phức tạp: thức tỉnh – hi vọng – thất vọng, đau đớn – phẫn uất – tuyệt vọng.**

+ Chí thức tỉnh và muốn làm người lương thiện. Chí không thể đập phá, rách mặt ăn vạ được nữa.

+ Nhưng ai cho Chí lương thiện.

+ Kẻ thù của Chí không phải một mình bá Kiến mà là cả xã hội đương thời thối nát và độc ác.

+ Dưới con mắt của mọi người, của xã hội ấy, Chí Phèo chỉ có thể là con quỷ dữ không thể là người. Vì thế một người tập trung tất cả cái xấu như Thị Nở đã phũ phàng cự tuyệt Chí.

+ Chí vô cùng đau đớn tuyệt vọng “ôm mặt khóc rưng rức”. Chí dùng dao đâm chết kẻ thù và tự sát. Chí đã chết trên ngưỡng cửa lương thiện → Bị kịch bị cự tuyệt quyền làm người.

3. Tổng kết

- Chí Phèo là một nhân vật điển hình bất hủ của văn xuôi Việt Nam hiện đại. “Hiện tượng Chí Phèo” in đậm dấu ấn của thời kì Tiền khởi nghĩa 1940 – 1945.

- Nam Cao đã rất thành công trong việc tạo dựng hình tượng nhân vật Chí Phèo thông qua bút pháp miêu tả tâm lý nhân vật sắc sảo, giọng kể độc đáo, có sự kết hợp giữa lời trực tiếp với lời nửa trực tiếp.

Loigiaihay.com

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 5**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm):****Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Sáng 7-4, Công an thị xã Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông cho biết đã bắt hai trong số bốn đối tượng liên quan vụ trộm cắp đồ đạc của nhóm học viên Trường Trung cấp nghề Đắk Nông trong lúc nhóm học viên này lao xuống hồ nước cứu người bị đuối nước tại hồ trung tâm thị xã Gia Nghĩa chiều 5-4-2017.

Hai đối tượng bị bắt gồm Nguyễn Công Đoàn (19 tuổi, trú tại huyện Krông Ana, Đắk Lắk) và Văn Tiến Phong (33 tuổi, trú tại thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông). Tham gia trộm cắp tài sản trong vụ cứu người bị đuối nước chiều 5-4 còn có thêm hai đối tượng khác, hiện đang bỏ trốn.

Tại cơ quan công an, Đoàn và Phong khai nhận chiều 5-4 khi đang đứng ở gần hồ Gia Nghĩa thì thấy nhiều người tập trung theo dõi hiện trường nhóm học sinh đuối nước ở hồ. Nhìn thấy trên bờ có nhiều đồ đạc, ví, điện thoại của những người nhảy xuống hồ cứu các nạn nhân bỏ lại, nhóm đối tượng đã lợi dụng sơ hở lấy trộm rồi rời khỏi hiện trường.

Qua xác minh, Công an thị xã Gia Nghĩa xác định số tài sản mà các đối tượng trộm cắp là của anh Hoàng Trọng Hiệp và anh Hoàng Đức Thắng – đang là học viên của Trường Trung cấp nghề Đắk Nông. Theo trình báo của anh Thắng và anh Hiệp thì chiều 5-4, khi đang thực tập gần hồ Trung tâm thị xã Gia Nghĩa thì nghe thấy nhiều người kêu cứu. Thấy có người chới với dưới hồ nước, cả hai anh đã lao xuống để cứu nạn nhân. Khi lên bờ thì đồ đạc, tài sản bỏ lại trong lúc cứu người đã bị mất...

(Bắt hai kẻ trộm đồ của người xuống hồ cứu học sinh đuối nước - Tuoitre.vn. 07/04/2017)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ và thể loại của văn bản trên. (1.0 điểm)

Câu 2. Nêu ý kiến riêng của anh/chị về hành động trộm đồ của 4 đối tượng nêu trong văn bản (1.0 điểm) (vận dụng)

Câu 3. Trong thời gian gần đây, nạn ăn trộm đồ của một bộ phận người Việt ở trong và ngoài nước đã gây bức xúc trong cộng đồng xã hội. Theo anh/chị, đâu là nguyên nhân của tệ nạn trên? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN: (7.0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về bức tranh phố huyện khi đêm về cho đến khi đoàn tàu đi qua trong tác phẩm *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam).

Đáp án đề 5**I. ĐỌC HIỂU****Câu 1:**

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các phong cách ngôn ngữ đã học: sinh hoạt, nghệ thuật, báo chí, chính luận, hành chính – công vụ

* **Cách giải:**

- PCNN: Báo chí (0.5đ)

- Thể loại: Bản tin (0.5đ)

Câu 2:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

HS bày tỏ ý kiến riêng song phải đảm bảo 2 ý sau:

- Hành động trộm đồ của người khác là hành động xấu, đáng lên án.

- Hành động trộm đồ của người đang quên mình cứu người càng đáng lên án. Nó không chỉ xấu ở hành động mà còn cho thấy sự vô cảm, vô lương tâm... của kẻ trộm đồ.

Câu 3:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

Nguyên nhân nạn trộm đồ, ăn cắp vặt: (Học sinh chỉ cần đưa ra đúng 2 nguyên nhân)

Gợi ý:

- Do tham lam, thiếu lòng tự trọng...

- Thiếu hiểu biết, chưa được giáo dục đến nơi đến chốn...

II. LÀM VĂN

* Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

* Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

1. Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Dẫn dắt vấn đề

2. Thân bài

* Cảnh phố huyện về đêm

- *Khung cảnh:*

+ Bóng tối bao la phủ trùm tất cả, cả phố huyện chìm trong bóng tối.

+ Ánh sáng nhỏ bé yếu ớt chỉ là quàng, là khe, là vệt, là chấm và cuối cùng chỉ là hột sáng thưa thớt.

→ Có sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối, hình ảnh ngọn đèn leo lét nơi quán hàng chị Tí là biểu tượng cho kiếp sống nhỏ nhoi lay lắt, mù tối của những người cùng khổ trong biển đêm mênh mông của cuộc đời. Ngọn đèn ấy tuy yếu ớt nhưng vẫn là niềm lạc quan sống của những kiếp người nhỏ bé vô danh, vô nghĩa không tương lai, hạnh phúc trong xã hội cũ.

- Sinh hoạt của con người:

+ Các nhà đóng cửa im lìm.

+ Gánh phở của bác Siêu so với mẹ con chị Tí có phần khấm khá hơn nhưng lại đứng trước nguy cơ đáng sợ hơn: thất nghiệp. Bởi ở vùng quê này thứ quà của bác Siêu là một thứ quà xa xỉ.

+ Vợ chồng bác Xẩm sống trong cảnh màn trời chiếu đất, trông chờ vào cửa bố thí ở nơi đây
→ sự trông chờ trong vô vọng.

+ Mẹ con chị Tí: hàng nước đơn sơ.

+ Chị em Liên: quán nhỏ.

→ Nghèo khổ, nhàm chán, tẻ nhạt, vô vị.

*** Tâm trạng của Liên:**

- Đêm tối với Liên quen lắm, chúng chẳng đáng sợ.

- Rồi Liên hoài tưởng về quá khứ tươi đẹp ở Hà Nội, nơi có một vùng sáng rực và lấp lánh.

- Như mọi người dân trong phố huyện Liên luôn mong chờ một cái gì đó mới mẻ, tươi sáng sẽ đến xua tan đi đêm đen âm u lụi tàn ở phố huyện.

→ Bằng trái tim đôn hậu, dịu dàng Thạch Lam đã phát hiện ra những rung động sâu xa, những khao khát thầm kín trong cuộc đời những con người tưởng như hoàn toàn an phận ấy.

3. Thân bài

- Nêu cảm nhận chung.

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 6

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

TRĂNG NỞ NỤ CƯỜI

Đâu Thị Nở, đâu Chí Phèo,

Đâu làng Vũ Đại đói nghèo Nam Cao?

Vẫn vườn chuối gió lao xao

Sông Châu vẫn chảy nôn nao mạn thuyền...

Ả ngớ ngẩn. Gã khùng điên.

Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người!

Vườn xoong trăng nở nụ cười

Phút giây tan chảy vàng mười trong nhau.

Giữa đời vàng lẫn với thau

Lòng tin còn chút về sau để dành

Tình yêu nên vị cháo hành

Đời chung bát vỡ thơm lành lúa đôi!

(Lê Đình Cánh)

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ gì? (0.5 điểm)

Câu 2. Đọc bài thơ trên, anh/chị liên tưởng đến tác phẩm văn học nào đã học trong chương trình Ngữ văn 11? Hãy chỉ ra 01 chi tiết nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm đó được tác giả Lê Đình Cánh nhắc tới trong bài thơ. (1.0 điểm)

Câu 3. Câu thơ: “Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người” có ý nghĩa gì? (0.5 điểm)

Câu 4. Trong khoảng 10 dòng, hãy bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về sức mạnh của tình yêu thương (1.0 điểm)

II. Làm văn: (7.0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Huấn Cao trong tác phẩm *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân).

Đáp án đề 6

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các thể thơ đã học

* **Cách giải:**

- Thể thơ lục bát

Câu 2:

* **Phương pháp:** Tái hiện kiến thức đã học về tác phẩm *Chí Phèo*

* **Cách giải:**

- Tác phẩm: *Chí Phèo* – Nam Cao

- Chi tiết đặc sắc: bát cháo hành

Câu 3:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Câu thơ: “Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người” cho thấy tình yêu có sức mạnh lớn lao giúp cảm hóa con người và làm cho con người trở nên người hơn.

Câu 4:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp, bình luận

* **Cách giải:**

- Đảm bảo yêu cầu 01 đoạn văn

- Đảm bảo dung lượng yêu cầu

- Học sinh có thể trình bày một số ý sau:

+ Tình yêu thương giúp con người vượt qua những khó khăn, gian khổ, những vấp ngã... trong cuộc sống.

+ Giúp cảm hóa và làm thay đổi con người

+ Giúp con người thêm vững tin vào cuộc sống và khiến cuộc đời trở nên tươi đẹp hơn

II. LÀM VĂN

* Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

* Cách giải:

Yêu cầu chung:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân.

- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Yêu cầu nội dung:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Nguyễn Tuân là cây bút xuất sắc của nền văn học Việt Nam. Ông là một định nghĩa về người nghệ sĩ. Cuộc đời cầm bút của ông là một hành trình không mệt mỏi khám phá và diễn tả cái đẹp của thiên nhiên sông núi quê hương, vẻ đẹp của con người.

- *Chữ người tử tù* là truyện ngắn đứng vào hàng kiệt tác của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Tác phẩm ra đời vào lúc văn xuôi đang hoàn tất quá trình hiện đại hóa, nó gieo vào lòng bạn đọc niềm tin vào tương lai của nền văn học nước nhà.

- *Chữ người tử tù* được rút từ tập truyện ngắn *Vang bóng một thời* mà nghệ thuật viết văn đã đạt gần tới sự toàn thiện, toàn mỹ.

2. Cảm nhận về vẻ đẹp của hình tượng Huân Cao

a. Vẻ đẹp tài hoa, nghệ sĩ:

* Tài gắn liền với danh:

- Huân Cao viết chữ đẹp nên nổi tiếng khắp một vùng rộng lớn: vùng Tĩnh Sơn.

- Viên quản ngục và thầy thơ lại cũng biết tiếng.

* Cái tài gắn với sự khao khát, nể trọng của người đời:

- Viên quản ngục khao khát có được chữ ông Huân Cao để treo trong nhà.

- Viên quản ngục biệt nhỡn qua ánh nhìn, qua hành động biệt đãi

→ Đây không phải một cái tài bình thường mà nó đạt đến độ phi thường và siêu phàm.

b. Vẻ đẹp của thiên lương:

- “Tính ông vốn khoảnh, trừ chỗ tri kỉ, ông ít chịu cho chữ”:

+ “Khoảnh”: có phần kiêu ngạo về tài năng viết chữ của mình, có ý thức về giá trị của tài năng ấy, tôn trọng tài năng, sử dụng nó như một món quà mà thượng đế trao cho nên chỉ trao nó cho những tấm lòng trong thiên hạ.

- “Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ” → khí chất, quan điểm của Huân Cao.

- “Ta cảm tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”

→ Tấm lòng của Huân Cao với những con người yêu cái đẹp, trọng cái tài.

c. Vẻ đẹp của khí phách:

* Tinh thần nghĩa hiệp:

- Là người giỏi chữ nghĩa nhưng không đi theo lối mòn, dám cầm đầu một cuộc đại phản chống lại triều đình mà ông căm ghét.

* Tư thế đàng hoàng, hiên ngang, bất khuất:

- Hành động Huân Cao cùng các bạn tù giỗ gông. Huân Cao ở vị trí đầu thang gông – ngay trong tình thế bi đát vẫn đứng ở vị trí chủ soái.

- Trước lời đe dọa của tên lính áp giải tù, Huân Cao không hề để tâm, coi thường, vẫn lạnh lùng chúc mũi gông đánh thuyền một cái xuống nền đá tảng...

* Bản lĩnh cứng cỏi, không sợ quyền uy và không sợ cái chết:

- Cách Huân Cao đón nhận sự biệt đãi của viên quản ngục.

- Khi viên quản ngục xuống tận phòng giam hỏi han ân cần, chu đáo, Huân Cao tỏ ra khinh bạc đến điều: “Người hỏi ta muốn gì, ta chỉ muốn có một điều, là nhà người đừng đặt chân vào đây”.

- Vào thời điểm nhận tin dữ (ngày mai vào kinh chịu án chém), Huân Cao bình tĩnh, mỉm cười.

d. Sự tỏa sáng của ba vẻ đẹp trong cảnh cho chữ:

* Vẻ đẹp tài hoa:

- Tài năng của Huấn Cao không còn là những lời đồn đại nữa, nó đã hiện thành hình: “những nét chữ vuông tươi tắn...”

* Về đẹp khí phách:

- Trái với sự lo lắng của viên quản ngục và thầy thơ lại, Huấn Cao rất thản nhiên đón nhận, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, lặng người ái ngại cho viên quản ngục.

- Không để tâm tới mọi thứ xung quanh, chỉ tập trung vào những nét chữ mà mình đang tạo ra.

* Về đẹp thiên lương:

- Hiểu ra tấm lòng của quản ngục.

- Quan niệm: không được phụ lòng người -> trong những giây phút cuối đời đã viết chữ dành tặng viên quản ngục, dành tặng cho tấm lòng biệt nhỡn liên tài trong thiên hạ.

- Đỡ viên quan coi ngục đứng thẳng dậy, đưa ra những lời khuyên chí tình.

e. Tổng hợp đánh giá về nhân vật:

* Nguyên mẫu: Cao Bá Quát

- Cùng họ Cao, giữ chức coi sóc việc học ở địa phương.

- Huấn Cao là người tử tù, dám cầm đầu đội quân chống lại triều đình. Cao Bá Quát là thủ lĩnh, quân sư cho cuộc khởi nghĩa của nhân dân Mỹ Lương – Hà Tây chống lại triều đình rồi cũng bị kết án tử hình.

- Cùng được tôn vinh vì tài năng viết chữ đẹp.

- Sự cúi đầu trước Huấn Cao của quản ngục cũng giống như câu thơ của Cao Bá Quát: “Nhất sinh đê thủ bách mai hoa”

* Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

- Mang nhiều dấu ấn của chủ nghĩa lãng mạn:

+ Là con người tài hoa tài tử, khác thường.

+ Dùng thủ pháp cường điệu, phóng đại và thủ pháp đối lập.

- Ngôn ngữ giàu chất tạo hình, dùng nhiều từ Hán Việt mang màu sắc cổ kính, gợi về cái đẹp của một thời vang bóng.

* Nội dung tư tưởng mà nhân vật truyền tải:

- Quan điểm thẩm mỹ tiên bộ: luôn cho rằng cái đẹp phải gắn liền với cái thiện.

- Thông điệp: cái đẹp sẽ chiến thắng cái xấu xa, cái thiện sẽ chiến thắng cái ác, ánh sáng sẽ chiến thắng bóng tối.

- Thông qua việc ca ngợi Huân Cao tác giả tôn vinh những nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc, tôn vinh một trang anh hùng dũng liệt

→ Ca ngợi Huân Cao là biểu hiện kín đáo của lòng yêu nước.

3. Tổng kết

- Khái quát và mở rộng vấn đề

Loigiai hay.com

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 7**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)****Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:**

Một thái độ ứng xử tích cực, những thói quen tốt, cách nhìn lạc quan, khát khao theo đuổi những mục tiêu, vv... mới chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ để đưa bạn đến thành công nếu vẫn còn thiếu sự trung thực và chính trực. Bạn sẽ chẳng bao giờ cảm nhận trọn vẹn những giá trị của bản thân khi chưa tìm thấy sự bình an trong tâm hồn mình. Viên đá đầu tiên và cần thiết nhất của nền tảng đó là sự trung thực.

Vì sao tôi lại xem trọng tính trung thực đến thế? Đó là bởi vì tôi đã phải mất một thời gian rất dài mới có thể nhận ra rằng sự trung thực chính là phần còn thiếu trong nỗ lực tìm kiếm sự thành công và hoàn thiện bản thân tôi. Tôi không phải là một kẻ hay nói dối, một kẻ tham lam, một tên trộm mà tôi thiếu tính trung thực mà thôi. Giống như nhiều người khác, tôi cũng quan niệm “Ai cũng thế cả mà”, một chút không trung thực không có gì là xấu cả. Tôi đã tự lừa dối mình. Dù muộn màng, nhưng rồi tôi cũng khám phá ra rằng không trung thực là một điều rất tệ hại và để lại một hậu quả khôn lường. Ngay sau đó, tôi quyết định sẽ ngay thẳng, chính trực trong tất cả mọi việc. Đó là một lựa chọn quan trọng làm thay đổi cuộc đời tôi.

(Theo Hal Urban, *Những bài học cuộc sống*, www.wattpad.com)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên. (0,5 điểm)**Câu 2:** Anh (chị) hiểu như thế nào về câu nói: “Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững”? (0,5 điểm)

Câu 3: Theo anh (chị), vì sao tác giả lại cho rằng: Một thái độ ứng xử tích cực, những thói quen tốt, cách nhìn lạc quan, khát khao theo đuổi những mục tiêu, vv.. mới là điều kiện cần nhưng vẫn chưa đủ để đưa bạn đến thành công nếu vẫn còn thiếu sự trung thực và chính trực? (1,0 điểm)

Câu 4: Thông điệp nào trong văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với anh, chị? Vì sao? (Trình bày trong khoảng 7 – 10 dòng) (1.0 điểm)

PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Phân tích quá trình tha hóa của nhân vật Chí Phèo từ người nông dân lương thiện trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại trong đoạn trích *Chí Phèo* của Nam Cao.

Đáp án đề 7**PHẦN ĐỌC HIỂU****Câu 1:**

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các phương thức biểu đạt đã học: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, hành chính – công vụ.

* **Cách giải:**

- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.

Câu 2:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp.

* **Cách giải:**

- “Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững”: Trung thực trong một mối quan hệ tức là ta luôn thẳng thắn, chân thành. Chỉ có sự thẳng thắn, chân thành giữa con người với con người mới tạo được niềm tin cho nhau và do đó mà mối quan hệ mới trở nên bền vững.

Câu 3:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp.

* **Cách giải:**

- Sự trung thực và chính trực là điều cần thiết cho mọi người.

- Sự trung thực và chính trực giúp ta nhận ra những mặt thiếu sót của bản thân để điều chỉnh.

- Sự trung thực và chính trực còn tạo ra niềm tin trong các mối quan hệ, nó làm cho các mối quan hệ trở nên chân thành và đúng đắn hơn.

Câu 4:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp, bình luận.

* **Cách giải:**

- Học sinh có thể rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất với bản thân mình từ đoạn trích trên và viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của mình về thông điệp đó.

Gợi ý: Thông điệp có ý nghĩa nhất: Mỗi người cần sống trung thực với chính mình.

Đoạn văn có thể triển khai theo các ý sau:

- Trung thực là thật thà, ngay thẳng, không gian dối.

- Trung thực với chính mình là nghiêm túc và chân thành nhìn lại bản thân mình để tìm ra những điểm tích cực cần phát huy cũng như các điểm cần sửa chữa.

- Con người cần sống trung thực với chính mình vì:

+ Trung thực giúp con người tiến bộ hơn

+ Trung thực giúp con người lựa chọn đúng đắn hơn đường đi cho mình, mối quan hệ trong xã hội

+ ...

PHẦN LÀM VĂN

* **Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bình luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

* **Cách giải:**

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Nam Cao là cây nút xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại. “Đến Nam Cao, chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945 mới thực sự tự giác đầy đủ về những nguyên tắc sáng tác của nó”. Những sáng tác của ông xoay quanh hai đối tượng chính là người nông dân nghèo và người trí thức nghèo.

- *Chí Phèo* thuộc thể loại truyện ngắn nhưng có dung lượng của tiểu thuyết. Tác phẩm này đã đưa Nam Cao lên vị trí là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc nhất trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Phân tích

2.1 Giới thiệu nhân vật

- Xuất thân: là đứa trẻ mồ côi bị bỏ rơi ở lò gạch cũ, được anh đi thả ống lươn nhặt được, mang về cho một bà góa mù, bà góa mù bán cho bác phó cối không con, bác phó cối mất đi thì sống trong sự đùm bọc của dân làng.

→ Mồ côi, bị trao qua đổi lại, lớn lên trong sự cưu mang của cộng đồng.

- Khi lớn lên (20 tuổi): Chí Phèo làm canh điền cho nhà Bá Kiến, lành như đất → lương thiện đích thực:

+ Cày cấy thuê để kiếm sống.

+ Khi bị bà ba gọi vào bóp chân, Chí chỉ thấy nhục → có lòng tự trọng.

+ Mơ ước về mái ấm hạnh phúc, giản dị: chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải...

→ Là một người lương thiện.

2.2 Phân tích bi kịch tha hóa của Chí Phèo

* Từ người nông dân hiền lành, lương thiện bị biến thành thằng lưu manh.

(+) Nguyên nhân:

- Do Bá Kiến: ghen, đẩy Chí Phèo vào tù.

- Do nhà tù đã nhào nặn, tha hóa Chí

→ Xã hội phi lý, bất công, ngang trái.

(+) Biểu hiện:

- Nhân hình:

+ Gương mặt: Cái đầu trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt cong cong, hai mắt gườm gườm...

+ Trang phục: Mặc áo tây vàng với quần nái đen, phanh áo để lộ hình xăm...

- Nhân tính:

+ Uống rượu đến say khướt.

+ Chửi bới.

+ Đánh nhau.

+ Ăn vạ

+ Liều lĩnh, thách thức.

→ Thằng lưu manh hung hăng, liều lĩnh.

* Bị tha hóa từ thằng lưu manh trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại.

(+) Nguyên nhân:

- Do sự khôn ngoan, gian xảo của Bá Kiến.

- Do sự khờ khạo, u mê của Chí Phèo.

(+) Biểu hiện:

- Nhân hình: biến thành mặt một con vật lạ.

- Nhân tính:

+ Triền miên trong những cơn say → làm bất cứ cái gì mà người ta sai → gây tội ác.

+ Đoạn văn mở đầu tác phẩm: “Hắn vừa đi vừa chửi...” → sự phẫn uất, cô độc cùng cực của Chí Phèo.

3. Tổng kết

- Chí Phèo là một nhân vật điển hình bất hủ của văn xuôi Việt Nam hiện đại. “Hiện tượng Chí Phèo” in đậm dấu ấn của thời kì Tiền khởi nghĩa 1940 – 1945.

- Nam Cao đã rất thành công trong việc tạo dựng hình tượng nhân vật Chí Phèo thông qua bút pháp miêu tả tâm lý nhân vật sắc sảo, giọng kể độc đáo, có sự kết hợp giữa lời trực tiếp với lời nửa trực tiếp.

Loigiai hay.com

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 8**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. ĐỌC HIỂU (3 ĐIỂM)****1. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4**

Ở làng quê nọ, trời đã hạn hán trong khoảng thời gian rất lâu. Các cánh đồng đều khô hạn, cỏ cây héo úa cuộc sống trở nên vô cùng khó khăn. Hàng tháng đã trôi qua và mọi người dường như đã mất hết kiên nhẫn. Nhiều gia đình đã rời khỏi làng, còn những gia đình khác chỉ còn biết chờ đợi trong tuyệt vọng. Cuối cùng ông trưởng làng quyết định tổ chức một buổi cầu nguyện tập thể trên ngọn đồi cao nhất vùng. Ông thuyết phục tất cả mọi người trong làng đến dự và người phải mang theo một vật thể hiện lòng tin của mình.

Chiều thứ bảy, những người dân làng với vẻ mặt mệt mỏi tập trung trên ngọn đồi và đều quên mang theo những đồ vật thể hiện lòng tin. Có người mang theo một cái móng ngựa may mắn, có người mang theo chiếc mũ bảo vật của gia đình... Mặc dù chẳng ai tin chúng có thể thay đổi điều gì nhưng họ cũng đã mang theo rất nhiều thứ quý giá. Như thể có phép màu, mây đen kéo tới và trời đổ mưa – những giọt mưa đầu tiên sau bao tháng trời khô hạn. Mọi người đều hân hoan vui sướng và ngay lập tức nổ ra một cuộc tranh cãi xem đồ vật nào đã mang lại may mắn cho ngôi làng. Ai cũng cho rằng đồ vật của mình là linh thiêng nhất. Bỗng người ta nghe thấy tiếng một bé gái reo lên:

- Con đã biết thế nào trời cũng đổ mưa mà. Mẹ thấy không, con mang theo chiếc ô này, bây giờ thì mẹ con mình về nhà mà không bị ướt!

(Truyện ngụ ngôn – Sông đẹp.net)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản? (0,5đ)

Câu 2. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản? (0,5đ)

Câu 3. Xác định nội dung chính của văn bản? (0,5đ) Đặt nhan đề cho văn bản? (0,5đ)

Câu 4. Theo em, trong câu chuyện trên ai là người có niềm tin nhất? (0,5đ). Từ đó, em rút ra được bài học gì? (0,5đ)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. Nghị luận xã hội (2,0 điểm)

Từ văn bản trong phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về niềm tin của con người trong cuộc sống.

Câu 2. Nghị luận văn học (5,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: Nhân vật Chí Phèo là hình ảnh của một con người lương thiện bị dồn đẩy vào con đường lưu manh, trở thành “con quỷ dữ” của làng Vũ Đại.

Qua nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nam Cao, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Đáp án đề 8**I. ĐỌC HIỂU****Câu 1:**

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các phương thức biểu đạt đã học: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, hành chính – công vụ

* **Cách giải:**

- Phương thức biểu đạt chính là: tự sự

Câu 2:

* **Phương pháp:** Căn cứ vào phong cách nghệ thuật đã được học: sinh hoạt, nghệ thuật, báo chí, chính luận, hành chính – công vụ

* **Cách giải:**

- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

Câu 3:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Nội dung của văn bản: Kể về một làng quê nọ tổ chức cầu mưa và trời cũng đã mưa. Mọi người hân hoan vui sướng và họ tranh cãi với nhau xem vật nào mà họ mang theo đã mang lại may mắn cho ngôi làng. Sau đó, họ cũng đã xác định được.

- Đặt nhan đề: Học sinh có thể đặt theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo sự ngắn gọn và phù hợp với nội dung. Chẳng hạn có thể đặt các nhan đề sau: Niềm tin; Ai là người có niềm tin lớn nhất?;...

Câu 4:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

*** Cách giải:**

- Người có niềm tin nhất là: em bé gái mang theo chiếc ô.
- Bài học rút ra: Trong cuộc sống, con người cần có niềm tin. Niềm tin sẽ giúp con người vượt qua khó khăn và đạt được điều mình mong muốn.

II. LÀM VĂN**Câu 1:***** Phương pháp:**

Sử dụng các thao tác lập luận để tạo lập một đoạn văn nghị luận (bàn luận, so sánh, tổng hợp,...)

*** Cách giải:****Yêu cầu về kỹ năng**

- Biết vận dụng kiến thức – kỹ năng để viết một đoạn văn nghị luận xã hội.
- Hành văn mạch lạc, trong sáng.

Yêu cầu về kiến thức

- Học sinh có thể trình bày một số ý sau:

1. Mở đoạn:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: niềm tin của con người trong cuộc sống.

2. Thân đoạn:*** Giải thích:**

- Niềm tin là một phẩm chất tốt đẹp cần có của con người trong cuộc sống. Nó cũng là một cảm xúc trong ý chí của con người. Nó đi liền với sự hi vọng bùng cháy trong tâm hồn.

- Niềm tin của con người là sự ý thức về năng lực, phẩm chất, giá trị của bản thân mình, đánh giá được vị trí vai trò của mình trong cuộc sống.

*** Phân tích, chứng minh:**

- Tại sao con người sống cần có niềm tin? (Vai trò, ý nghĩa của niềm tin):

+ Trong cuộc sống, mỗi người sẽ là người hiểu rõ mình nhất, hiểu được toàn bộ suy nghĩ, điểm mạnh, điểm yếu của chính bản thân mình. Từ đó, biết rõ mình cần gì, ước mơ những gì, hi vọng điều gì trong cuộc sống.

+ Khi có niềm tin sẽ tạo ra động lực lớn cho con người, giúp họ cố gắng phấn đấu vươn lên vượt qua những khó khăn thử thách và gặt hái được thành công.

+ Khi mất niềm tin, con người sẽ mất tất cả, đặc biệt là sẽ mất đi ý chí, nghị lực vươn lên. Từ đó sẽ không thể đạt được những thành công trong cuộc sống.

- Lấy dẫn chứng từ thực tế đời sống để chứng minh.

*** Bình luận:**

- Trong cuộc sống con người cần có niềm tin để thể hiện bản thân và đi đến thành công.

- Phê phán những người sống thiếu niềm tin vào bản thân; những người tự ti, mặc cảm; những người bi quan...

Kết đoạn:

- Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

Câu 2:

*** Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

*** Cách giải:****Yêu cầu kỹ năng**

- Biết vận dụng kiến thức – kỹ năng để làm một bài văn nghị luận văn học.
- Hành văn mạch lạc, trong sáng.

Yêu cầu về kiến thức

Học sinh có thể trình bày một số ý sau:

1. Mở bài

- Giới thiệu những nét chính về tác giả, tác phẩm:
 - + Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc nhất trong văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945.
 - + Tác phẩm *Chí Phèo* tiêu biểu cho những sáng tác viết về đề tài người nông dân nghèo của Nam Cao trước Cách mạng.
- Dẫn dắt vấn đề nghị luận: ý kiến bàn về nhân vật Chí Phèo “Nhân vật Chí Phèo là hình ảnh của một con người lương thiện bị dồn đẩy vào con đường lưu manh, trở thành “con quỷ dữ” của làng Vũ Đại.”

2. Thân bài*** Giải thích ý kiến:**

- Ý kiến trên đã thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá khái quát về cuộc đời của nhân vật Chí Phèo, hay nói cách khác đã cho thấy quá trình tha hóa của nhân vật: từ một con người lương thiện trở thành kẻ lưu manh.

*** Phân tích, chứng minh:**

- Nhân vật Chí Phèo là hình ảnh của một con người lương thiện:
 - + Từ khi sinh ra Chí Phèo đã bị bỏ rơi bên cái lò gạch cũ. Những người dân làng Vũ Đại đã chuyền tay nhau nuôi Chí Phèo lớn lên.

+ Năm 20 tuổi, Chí Phèo làm canh điền cho nhà Bá Kiến. Chí Phèo là một thanh niên khỏe mạnh, hiền lành, chăm chỉ. Chí Phèo có ước mơ, có lòng tự trọng.

→ Từ khi sinh ra đến khi lớn lên, Chí Phèo hoàn toàn là một con người lương thiện.

- Sau đó, nhân vật bị dồn đẩy vào con đường lưu manh, trở thành “con quỷ dữ” của làng Vũ Đại.

+ Vì ghen tuông nên Bá Kiến đẩy Chí Phèo vào tù. Ra tù, Chí Phèo trở thành kẻ lưu manh, biến đổi về nhân hình, nhân tính.

+ Ngoại hình Chí Phèo sau khi ra tù: “Cái đầu trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn... trông gớm chết!”

+ Hành động: đến nhà Bá Kiến chửi bới, say rượu, rạch mặt ăn vạ, bị Bá Kiến mua chuộc. Sau đó đến xin đi ở tù, bị Bá Kiến dụ dỗ trở thành tay sai cho Bá Kiến. Sau đó, cuộc đời của Chí Phèo chìm trong những cơn say và đắm thuê, chém mướn, gây ra bao đau thương cho dân làng Vũ Đại → “con quỷ dữ”.

*** Bình luận, đánh giá chung:**

+ Ý kiến trên đã phản ánh đúng thực trạng tha hóa của một bộ phận người dân lương thiện ở nước ta trước CMTT.

+ Giúp người đọc nhận thức sâu sắc hơn về giá trị nội dung tư tưởng của tác phẩm cũng như thấm thía hơn ý tưởng nghệ thuật của nhà văn.

3. Kết bài:

- Khái quát, nâng cao vấn đề.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 9**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. ĐỌC HIỂU****Đọc đoạn văn sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 4:**

Một ông bố có niềm đam mê đặc biệt dành cho xe hơi, cũng vì để mua được chiếc xe yêu thích nên đã tích cóp tiền trong một thời gian rất lâu. Khi mua được xe, mỗi ngày, ông không ngại cực khổ, cắm cúi rửa xe, đánh sáp, công việc chăm sóc xe đã trở thành việc “hưởng thụ” của ông. Con trai Jake thấy bố yêu thích chiếc xe như vậy, cũng thường xuyên phụ rửa xe, hai bố con vô cùng vui vẻ. Một ngày, người bố về nhà sau một trận mưa lớn, chiếc xe dính đầy bùn đất, nhưng ông lại quá mệt mỏi, nên nói với con trai: “Hôm khác rửa xe nhé con!”. Jake thấy mình đang rảnh rỗi, liền xung phong muốn thay bố rửa xe, và được đồng ý. Tuy nhiên, người bố này lại quên là con trai mình mới có 5 tuổi, ông trở về phòng nghỉ ngơi mà quên không chuẩn bị dụng cụ gì cho cậu bé cả. Con trai hào hứng xông ra rửa xe, nhưng lại không tìm thấy khăn lau. Cậu bé chạy vào trong bếp, đột nhiên cậu nghĩ tới cái miếng chùi xoong mà mẹ vẫn thường dùng để chà nồi rất sạch sẽ, vì vậy cậu liền lấy ngay miếng thép ấy để dùng. Jake cầm miếng chùi xoong, chạy tới chỗ xe và ra sức chà, hết lần này tới lần khác. Sau khi cậu chà xe xong, cậu phát hiện trên xe có những vết nguệch ngoạc, cậu sờ lên chỗ đó, lại thấy sần sùi, lồi lõm. Jake sợ tới mức khóc toáng lên. Cậu chạy ngay tới phòng ngủ vừa khóc vừa nói: “Bố ơi, con xin lỗi bố, bố mau tới xem đi!”.

Ông bố vội vàng theo con trai chạy ra ngoài, chứng kiến chiếc xe “cung” của mình thê thảm như vậy thật không dám tin là sự thật, ông ngăn người nói không nên lời, sau cả nửa ngày mới kêu lên: “Ôi! Xe của ta, xe của ta!”. Ông cảm thấy tức giận tới cực điểm, xông vào trong phòng, ngửa mặt lên trời mà nói rằng: “Thượng đế! Đây là chiếc xe mà con dùng hết tài sản tích lũy mới mua được, chưa đến một tháng đã biến thành như vậy, thỉnh người cho con biết, con nên làm như thế nào? Con nên xử phạt đứa con này như thế nào đây?”. Lời cầu xin vừa chấm dứt, đầu óc của ông đột nhiên trở nên sáng suốt, một suy nghĩ chợt lóe lên: “Trên thế gian mọi chuyện đều không thể nhìn vào cái bên ngoài mà phải nhìn vào trái tim”.

Lúc này, nhìn đứa con trai nước mắt đầm đìa, ánh mắt sợ hãi cùng áy náy, ông bố từ từ lại gần khiến con trai phát run lên. Ông ôm đứa con trai nhỏ vào lòng, mắt đỏ hoe nói: “Cảm ơn con trai đã giúp ta rửa xe, ta yêu con, còn yêu hơn cả chiếc xe này!”

(Theo Kannewyork – Trích hạt giống tâm hồn)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. (0.5 điểm)
2. Anh/chị hãy đặt tên cho văn bản. (0.5 điểm)
3. Tại sao người bố không phạt con trai? Có phải Thượng đế đã giúp ông ta có câu trả lời sáng suốt? (1.0 điểm)
4. Anh/chị rút ra bài học gì từ câu chuyện trên? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm):

Câu 1: (2.0 điểm).

Từ văn bản trong phần Đọc–hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) về ý nghĩa câu nói: “Trên thế gian mọi chuyện đều không thể nhìn vào cái bên ngoài mà phải nhìn vào trái tim”.

Câu 2: (5.0 điểm).

Có nhận định cho rằng: Sức mạnh của **thiên lương** có thể làm thay đổi tất cả. Anh/chị hãy phân tích cảnh cho chữ trong tác phẩm *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân để làm sáng tỏ nhận định trên.

Đáp án đề 9**I. ĐỌC HIỂU****Câu 1:**

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các phương thức biểu đạt đã học: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, hành chính – công vụ

* **Cách giải:**

- Phương thức biểu đạt: Tự sự.

Câu 2:

* **Phương pháp:** Đọc, phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Đặt tên cho văn bản: Đừng nhìn ở bề ngoài mà nhìn vào trái tim, Tình phụ tử,...

Câu 3:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Người bố không phạt con vì ông đã tìm thấy câu trả lời: đứa con đã yêu bố mà chăm sóc xe thay bố.

- Không phải thương Đê. Tình yêu con trai đã giúp ông bình tĩnh và sáng suốt tìm thấy câu trả lời.

Câu 4:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

Bài học: Tình yêu chân thành sẽ giúp ta luôn bình tĩnh và sáng suốt trong cả những tình huống tương chừng xấu nhất.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận

Có đầy đủ các phần mở đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, thân đoạn triển khai vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Trên thế gian mọi chuyện đều không thể nhìn vài cái bên ngoài mà phải nhìn vào trái tim.

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.

Học sinh triển khai vấn đề nghị luận bằng việc vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, rút ra bài học nhận thức và hành động theo quan điểm của bản thân.

Gợi ý:

- Cái bên ngoài là hành động, là kết quả, là lời nói... ta nhìn bằng mắt, nghe bằng tai. Nhìn vào tim là nhìn xem mục đích của hành động, là lắng nghe bằng trái tim.

- Dùng tình yêu, tình thương, sự khoan dung, sự hiểu biết để đánh giá sự việc. Nhìn vào trái tim ta sẽ nhận được yêu thương chân thành. Phê phán những người thiếu cảm thông...

- Cần sống có tình yêu, khoan dung, mở rộng tâm hồn. Phải lắng nghe và thấu hiểu trái tim người khác. Phải trân trọng nâng niu tình yêu, sự quan tâm của người khác...

d. Sáng tạo

Có cách diễn đạt sáng tạo, thuyết phục, có cảm xúc, ý nghĩa sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu.

Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Câu 2:

Yêu cầu chung:

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.

Có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở đầu bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Sức mạnh của thiên lương qua cảnh cho chữ.

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.

Yêu cầu về nội dung:

1. Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm.

- Nguyễn Tuân là một nhà văn có cá tính độc đáo, có thể coi ông là một định nghĩa về người nghệ sĩ. Nét nổi bật trong phong cách của ông là ở chỗ, ông luôn nhìn sự vật ở phương diện văn hóa và mỹ thuật, nhìn con người ở phẩm chất nghệ sĩ và tài hoa. Sáng tác của Nguyễn Tuân thể hiện hài hòa màu sắc cổ điển và hiện đại. Đặc biệt, ông thường có cảm hứng mãnh liệt với cái cá biệt, phi thường, dữ dội và tuyệt mỹ.

- Truyện ngắn *Chữ người tử tù* lúc đầu có tên là *Dòng chữ cuối cùng*, in lần đầu tiên năm 1938 trên tạp chí Tao đàn, sau được chọn đưa vào tập truyện *Vang bóng một thời*, 1940

- Dẫn dắt vấn đề nghị luận

2. Phân tích

2.1 Giải thích

- Khái niệm thiên lương: Theo từ điển Hán Việt, thiên lương là đức tính tốt đẹp của con người.

2.2. Phân tích cảnh cho chữ:

a. Tình huống cho chữ “chưa từng có”:

* Địa điểm cho chữ đặc biệt:

- Thông thường người ta cho chữ và xin chữ ở những nơi sạch sẽ, yên tĩnh, tôn nghiêm, trang trọng.

- Cảnh cho chữ và xin chữ trong tác phẩm diễn ra ở nhà tù tối tăm, bẩn thỉu, xưa nay chỉ tồn tại cái xấu và cái ác.

* Thời điểm cho chữ đặc biệt:

- Thông thường người ta cho chữ khi tâm trạng thoải mái, thư thái, thanh thản, tâm tĩnh.

- Thời điểm cho chữ ở tác phẩm là đêm trước khi Huân Cao đi chịu án tử hình, dành trọn những phút cuối đời để tặng lại cái đẹp cho đời, cho tấm lòng ở đời -> đặc biệt.

* Vị thế của người cho chữ và xin chữ đặc biệt:

- Người cho chữ là người nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp lại ở vị thế của tử tù; vốn là đối tượng cần được giáo dục, cảm hóa lại ban phát những lời khuyên chí tình cho quản ngục.

- Người xin chữ ở vị thế quản ngục, cai quản tử tù, tiếp nhận, bá lĩnh những lời khuyên của tử tù.

→ Vị thế trên bình diện xã hội khác, trên bình diện nghệ thuật lại khác.

b. Cảnh tượng “chưa từng có”:

* Thủ pháp đối lập tương phản để dựng lên song hành:

- Cảnh nhà giam:

+ Cảnh tượng: tối tăm, bẩn thỉu, hôi hám.

+ Con người: quân ngục, thơ lại; tử tù.

- Cảnh cho chữ:

+ Cảnh tượng: đuốc sáng rực, vuông lụa trắng tinh còn nguyên vẹn lần hồ, mùi mực thơm.

+ Con người: liên tài, nghệ sĩ.

→ Miêu tả rõ hơn sự sinh thành của cái đẹp.

→ Truyền tải thông điệp: niềm tin vào sự chiến thắng tất yếu của cái đẹp, của cái thiện.

c. Sự cảm hóa chưa từng có:

- Bắt đầu từ lời khuyên của Huân Cao: thiên lương

- Viên quân ngục đáp trả bằng những hành động, cử chỉ khiến ta cảm động: bái lĩnh đón nhận, vái người tử tù một cái...

d. Ý nghĩa:

- Tỏa sáng vẻ đẹp của các nhân vật.

- Làm nổi bật giá trị tư tưởng của tác phẩm.

- Thể hiện tài năng nghệ thuật của nhà văn.

* Phân tích sức mạnh của thiên lương:

+ Tất cả sự lạ lùng trên là do sức mạnh của thiên lương đã làm thay đổi tất cả

+ Ông Huân Cao là người thiên lương: ngay thẳng chính trực, trọng nghĩa khinh lợi. Ông là người kiêu bạc, khinh thường cường quyền, nhận biết tấm lòng của viên quân ngục và cho chữ.

+ Viên quân ngục cũng là người có thiên lương: biệt nhỡn liên tài, bất chấp hiểm nguy để đổi đãi đặc biệt với Huân Cao và các tử tù.

- Ý nghĩa cảnh cho chữ:

+ Cái đẹp, sự thiên lương luôn chiến thắng cái ác...

+ Nghệ thuật và sự thiên lương luôn bất tử.

e. Nghệ thuật:

- Xây dựng tình huống đầy kịch tính

- Nghệ thuật tương phản đối lập

(Học sinh có thể trình bày nghệ thuật chung trong phần nội dung hoặc thành phần riêng.)

Loigiaihay.com

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 10**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. Đọc hiểu (3.0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi phía dưới:**

Cuộc đời ai cũng có những tấm lòng

Để làm giấy chứng minh

Để cầu mong thành đạt

Những tấm bằng như những bản chỉ đường qua những đường phố hẹp

Để đến đại lộ cuộc đời ngày càng mở rộng thêm.

[...]

Những tấm bằng có đóng dấu kí tên

Chỉ là giấy thông hành đi vào cuộc sống

Nhưng quý giá hơn là cuộc đời ghi nhận

Mới là TẤM BẰNG – bằng – của – chính – ta.

(Trích *Tấm bằng* – Hoàng Ngọc Quý,

Tuyển tập đề và bài văn Nghị luận xã hội, Tập hai, NXB Giáo Dục, tr.32)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Nêu tên một biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ đầu của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 3. Anh chị hiểu thế nào về ý thơ: Những tấm bằng như những bằng chỉ đường qua những đường phố hẹp/ Để đến đại lộ cuộc đời ngày càng mở rộng thêm? (1.0 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, tác giả muốn nhắn gửi thông điệp gì ở khổ thơ thứ hai của đoạn trích? (1.0 điểm)

II. Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ) để trả lời cho câu hỏi: Là một học sinh, bạn cần chuẩn bị hành trang gì để có được tấm bằng cuộc đời ghi nhận?

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận tâm trạng của nhân vật Liên vào buổi chiều tàn nơi phố huyện trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam.

Đáp án đề 10**I. Đọc hiểu****1.**

* **Phương pháp:** Căn cứ vào đặc điểm của các phong cách ngôn ngữ đã học: sinh hoạt, nghệ thuật, báo chí, chính luận, hành chính – công vụ.

* **Cách giải:**

- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

2.

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các biện pháp tu từ đã học.

* **Cách giải:**

- Nêu đúng tên một biện pháp tu từ trong khổ đầu đoạn trích (có thể nêu: điệp ngữ/ so sánh/ ẩn dụ).

3.

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp.

* **Cách giải:**

- Ý thơ có thể hiểu: những tấm bằng tạo điều kiện thuận lợi để con người bước vào đời, tạo dựng sự nghiệp và thành công cho bản thân.

4.

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp.

* **Cách giải:**

- Thông điệp của khổ thơ thứ hai: Năng lực thực sự của bản thân trong quá trình lao động, cống hiến là thước đo giá trị con người. Không nên chỉ đánh giá năng lực thông qua bằng cấp.

II. Làm văn

1. Học sinh viết được đoạn văn bản về cách để được cuộc đời ghi nhận

* **Phương pháp:** Sử dụng các thao tác lập luận để tạo lập một đoạn văn nghị luận (bàn luận, so sánh, tổng hợp,...)

* **Cách giải:**

a. Yêu cầu về kỹ năng: đảm bảo cấu trúc đoạn văn, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả; đảm bảo tương đối dung lượng như yêu cầu của đề.

b. Yêu cầu về kiến thức:

Đoạn văn cần đảm bảo những ý chính sau:

- Cần tích lũy, trau dồi tri thức và kỹ năng cần thiết cho cuộc sống. Khẳng định được giá trị của bản thân trong môi trường học tập, làm việc, sinh sống của mình.

- Hoàn thành tốt mọi trách nhiệm, bổn phận của mình đối với gia đình, đất nước, xã hội...

- Làm phong phú đời sống tinh thần. Rèn luyện lối sống và cách ứng xử phù hợp. Cần khẳng định cá tính cá nhân nhưng phải đặt trong giới hạn của các chuẩn mực đạo đức xã hội.

2.

* **Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

* **Cách giải:**

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.

b. Xác định đúng luận đề: tâm trạng nhân vật Liên lúc chiều tàn.

c. Triển khai luận đề: Triển khai thành các luận điểm, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Thạch Lam là cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại, là một con người đôn hậu và tinh tế. Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Mỗi truyện của Thạch Lam như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm mến yêu chân thành và sự nhạy cảm của tác giả trước những biến thái của cảnh vật và lòng người. Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị và thâm trầm, sâu sắc.

- *Hai đứa trẻ* là một trong những truyện ngắn đặc sắc của Thạch Lam, in trong tập *Nắng trong vườn* (1938).

Phân tích bức tranh phố huyện lúc chiều tàn

2. Phân tích

a. Bức tranh thiên nhiên:

- Âm thanh:

+ Tiếng trống thu không vang lên từng tiếng một: gợi buồn

+ Tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào: âm thanh rộn rã nhưng lại gợi ảo não, ảm đạm.

+ Tiếng muỗi đã bắt đầu vo ve trong cửa hàng hơi tối: nhấn mạnh sự tĩnh mịch của buổi chiều.

→ Tĩnh vắng, gợi buồn.

- Hình ảnh, màu sắc:

+ “Phương Tây đỏ rực như lửa cháy”

+ “Những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn”

→ Gam màu sáng nhưng là dấu hiệu của sự lụi tàn.

- Đường nét:

+ Dây tre làng trước mặt đen lại cắt hình rõ rệt trên nền trời: gợi sự âm đạm bao trùm lên không gian khi bóng chiều dần buông

* Nghệ thuật:

- Nhịp điệu chậm rãi, câu văn giàu tính nhạc và giàu hình ảnh

→ Tạo nên sự êm dịu, yên ả, thanh bình cho bức tranh thiên nhiên.

- Dùng những nét vẽ giản dị, chân thực, không cầu kì, kiểu cách

→ Lộ tả được cái thần, cái hồn của bức tranh thôn quê Việt Nam

→ Làm gợi lên bức tranh thiên nhiên lúc chiều tà đẹp, mơ mộng, yên ả, thanh bình nhưng cũng u buồn, lặng lẽ, âm đạm.

b. Bức tranh sinh hoạt:

* Cảnh chợ tàn:

- Âm thanh: chỉ có một âm thanh duy nhất “tiếng ồn ào cũng mất” khi chợ họp giữa đã vắng từ lâu → tiếng ồn ào là âm thanh náo nhiệt khi chợ đông vui tấp nập thì bây giờ đã tắt dần, mất hẳn, trả lại sự yên tĩnh vốn có cho phố huyện.

→ Bút pháp lấy động tả tĩnh. Âm thanh có nhưng càng buồn hơn, càng khiến không gian tĩnh vắng hơn.

- Hình ảnh:

+ Chỉ còn một vài người bán hàng về muộn ở lại dọn nột hàng và trò chuyện với nhau vài câu.

+ Nền chợ: chỉ còn lại vỏ thị, vỏ bưởi, lá nhãn, bã mía...

+ Những đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất, đi tìm tòi, nhặt nhạnh những thanh nứa thanh tre hay bất cứ những gì còn sót lại...

→ Không chỉ tàn tạ, u buồn mà còn nghèo nàn, xao xác, tiêu điều

→ Âm ảnh, tội nghiệp.

- Mùi vị: “một mùi âm ẩm bốc lên...” → với Liên đó là mùi vị của quê hương.

* Hình ảnh những kiếp người tàn:

- Những đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ: cúi lom khom trên mặt đất, đi tìm tòi, nhặt nhạnh những thanh nứa thanh tre hay bất cứ những gì còn sót lại... → đáng thương, tội nghiệp.

- Mẹ con chị Tí: ban ngày mò cua bắt ốc, ban đêm dọn hàng nước... → làm lụng chăm chỉ nhưng cũng chẳng kiếm được bao nhiêu.

- Bà cụ Thi: hơi điên, nghiện rượu, xuất hiện cùng tiếng cười khanh khách... → ngao ngán

- Chị em Liên, An: bán hàng tạp hóa trong một gia hàng thuê lại, những món hàng đơn giản, bán cho vài khách hàng quen thuộc → cũng phải tham gia vào công việc mưu sinh.

- Mẹ Liên, An: là trụ cột của gia đình, làm nghề hàng xáo, lấy công làm lãi.

→ Sự nghèo khổ, đơn điệu và tẻ nhạt trong nhịp sống.

→ Ân hận, cam chịu.

* Tác giả gửi gắm tâm lòng thương cảm, đồng cảm đối với những con người nghèo khổ. Từ đó, tác giả muốn khơi gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.

3. Tổng kết

- Khái quát lại vấn đề.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 11**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Hãy sống như đời sống để biết yêu nguồn cội

Hãy sống như đời núi vươn tới những tầm cao

Hãy sống như biển trào, như biển trào để thấy bờ bến rộng

Hãy sống như ước vọng để thấy đời mệnh mông.

(Trích *Khát vọng* – Phạm Minh Tuấn)

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Nêu chủ đề của đoạn trích trên.

Câu 3. Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 4. Đoạn trích đem đến cho anh/chị cảm xúc gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**Câu 1 (2,0 điểm)**

Bằng một đoạn văn (khoảng 100 chữ), anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về quan niệm sống được nêu trong đoạn trích phần Đọc hiểu “sống để biết yêu nguồn cội”.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng bà Tú trong bài thơ *Thương vợ* của Tú Xương.

Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Một duyên hai nợ âu đành phận,

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,

Có chồng hờ hững cũng như không

(*Thương vợ*, Tú Xương, SGK Ngữ văn 11, Tập 1, NXB Giáo dục, 2007, tr.29,30)

Đáp án đề 11**I. ĐỌC HIỂU****Câu 1:**

* **Phương pháp:** Căn cứ vào đặc điểm các phong cách ngôn ngữ đã học: sinh hoạt, nghệ thuật, báo chí, chính luận, hành chính – công vụ.

* **Cách giải:**

- Đoạn trích trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Câu 2:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp.

* **Cách giải:**

- Chủ đề của đoạn trích trên: Khát vọng sống đẹp.

Câu 3:

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các biện pháp tu từ đã học.

* **Cách giải:**

- Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích:

+ Điệp cấu trúc “hãy sống như...”

+ Nghệ thuật so sánh

Câu 4:

* **Phương pháp:** Căn cứ vào nội dung văn bản

* **Cách giải:**

- Học sinh có thể trình bày cảm xúc của cá nhân khi đọc văn bản.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

* **Phương pháp:** Sử dụng các thao tác lập luận để tạo lập một đoạn văn nghị luận (bàn luận, so sánh, tổng hợp,...)

* Cách giải:

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Hiểu đúng yêu cầu của đề, có kỹ năng viết đoạn văn nghị luận.

Yêu cầu về nội dung:

* Nêu vấn đề

* Giải thích vấn đề

- Nguồn cội: nơi nảy sinh vạn vật.

- Sống để biết yêu nguồn cội nghĩa là sống để biết ý nghĩa của nơi mình sinh ra và được sinh ra.

* Phân tích, bàn luận vấn đề

- Tại sao sống để biết yêu nguồn cội?

+ Khi sống ta mới có thể cảm nhận được hết ý nghĩa của cuộc đời này

+ Khi sống cũng là khi ta tiếp nối cho sự phát triển của nguồn cội

- Phê phán những người sống một cách phung phí, vô tâm

* Liên hệ bản thân

Câu 2:*** Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

*** Cách giải:****Yêu cầu hình thức:**

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:**1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm**

- Trần Tế Xương là cây bút xuất sắc của văn học trung đại Việt Nam. Ông là một nhà nho đi thi chỉ đỗ đến Tú tài, đời sống tương đối khó khăn. Cảnh nghèo là một đề tài dễ gặp trong thơ Tú Xương. Ông cũng thường xuyên làm thơ tự trào, tức là tự chế giễu, mỉa mai chính mình là vì nhận thấy bản thân là một kiểu “người thừa”.
- *Thương vợ* là bài thơ trữ tình, thể hiện tình cảm thương yêu, quý trọng vợ của Tú Xương.

2. Phân tích**a/ Hai câu đề: Giới thiệu về công việc và công lao của bà Tú.**

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng

- Câu 1: chứa đựng 3 thông tin

+ Bà Tú làm nghề buôn bán (gạo)

+ “Quanh năm” chỉ vòng thời gian tuần hoàn, ngày nối ngày, tháng tiếp tháng, năm tiếp theo năm, dường như không có lúc nghỉ.

+ “Mom sông” chỉ địa điểm kiếm sống, là phần đất nhô ra phía lòng sông, chênh vênh, nguy hiểm.

→ Bà Tú hiện lên trong câu thơ với biết bao khó nhọc, gian truân. Vòng quay vô kì hạn của thời gian đã cuốn bà vào cuộc mưu sinh đầy vất vả.

- Câu 2: Vai trò trụ cột gia đình của bà Tú.

+ “nuôi đủ” tức là đủ về số lượng 6 miệng ăn, chưa kể chính bà; là đủ về thành phần – chồng và con; là đủ ăn, đủ mặc, đủ cả cho những thú vui của ông Tú.

+ “năm con với một chồng: cách đếm con đếm chồng rất đặc biệt. Tú Xương tách mình riêng ra, đặt mình sau con nghĩa là tự thấy hổ thẹn về cái vô tích sự của mình, ông tự thấy mình cũng là thứ con đặc biệt của bà Tú, mà một ông còn nặng gánh hơn cả năm đứa con thơ dại. Câu thơ thấp thoáng một nụ cười của ông chồng “dài lưng tốn vải” - nụ cười méo mó, đáng thương.

→ Tóm lại: 2 câu đề đã khắc họa thành công chân dung bà Tú – người vợ đảm đang, tháo vát, phải chịu nhiều vất vả, gian truân.

b/ Hai câu thực: Tô đậm hơn những khổ cực của bà Tú trong cuộc mưu sinh

Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

- Phép đảo ngữ: đẩy “lặn lội”, “eo sèo” lên đầu câu, tô đậm nỗi vất vả, nhọc nhằn của bà Tú trong cuộc mưu sinh.

- Hình ảnh bà Tú được miêu tả qua phép ẩn dụ “thân cò” đầy ám ảnh, gợi dáng dấp nhỏ bé, chịu đựng, bơ vơ, cô cút đến tội nghiệp.

- “Khi quãng vắng”, “buổi đò đông”: bối cảnh làm việc đầy nguy hiểm bởi không người chở che, lại phải chen lấn, xô đẩy, bon chen nhọc nhằn.

→ Tóm lại: Câu 3,4, với hình ảnh ẩn dụ “thân cò”, phép đảo ngữ, từ tạo hình “lặn lội”, từ tượng thanh “eo sèo” đã khắc sâu hơn nỗi nhọc nhằn trong cuộc mưu sinh của bà Tú. Đằng sau đó, ta còn thấy tiếng uất nghẹn của một người chồng nhìn thấy nỗi cơ cực của vợ mà không thể đỡ đần. Và hơn cả là nỗi niềm thương xót, cảm phục và biết ơn vợ sâu sắc của Tú Xương.

c/ Hai câu luận:

Một duyên hai nợ âu đành phận

Năm nắng mười mưa dám quản công

- “Duyên”: quan hệ vợ chồng do trời định sẵn. “Nợ” là gánh nặng phải chịu, vợ chồng lấy nhau tốt đẹp là “duyên”, ngang trái là “nợ”.

- Thành ngữ và cách nói tăng cấp “một duyên hai nợ” “năm nắng mười mưa” đã khắc họa cuộc đời cơ cực, tủi nhục của bà Tú. Bà với ông Tú, duyên thì ít mà nợ thì nhiều. Ông Tú tự thấy mình là một gánh nợ trong suốt cuộc đời người vợ. Nhưng người mẹ, người vợ đó không hề ý thức rằng đó là sự hi sinh. Như bao người phụ nữ Việt Nam khác, bà làm mọi việc một cách tự nhiên, âm thầm, không hề đòi hỏi, oán trách. Bà Tú coi đó như một lẽ thường tình, nào có kể công.

- Cách nói cam chịu “âu đành phận” “dám quản công” là ông Tú ngao ngán về chính mình, xót xa cho thân phận bà Tú mà thốt lên, mà kể công thay cho bà vậy! Câu thơ như nén một tiếng thở dài náo nức của chính người chồng.

3. Tổng kết

- Những câu đầu khắc họa hình ảnh bà Tú trong vất vả gian truân vẫn ngời lên vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống. Một người vợ, người mẹ đảm đang, tháo vát, giàu đức hi sinh, hết lòng yêu thương chồng con. Hình ảnh bà Tú vì thế vừa đáng thương lại vừa đáng trọng.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 12**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Tại thể vận hội đặc biệt Seatte (dành cho những người tàn tật) có chín vận động viên đều bị tổn thương nặng nề về thể chất hoặc tinh thần, cùng tập trung trước vạch xuất phát để tham dự cuộc đua 100m. Khi súng hiệu nổ, tất cả đều lao đi với quyết tâm chiến thắng. Trừ một cậu bé. Cậu cứ vấp té liên tục trên đường đua. Và cậu bật khóc. Tám người kia nghe tiếng khóc, giảm tốc độ và ngoái lại nhìn. Rồi họ quay trở lại. Tất cả, không trừ một ai! Một cô gái bị hội chứng Down dịu dàng cúi xuống hôn cậu bé: - Như thế này, em sẽ thấy tốt hơn. Cô gái nói xong, cả chín người cùng khoác tay nhau sánh bước về vạch đích. Khán giả trong sân vận động đồng loạt đứng dậy. Tiếng vỗ tay hoan hô vang dội nhiều phút liền. Mãi về sau, những người chứng kiến vẫn còn truyền tai nhau câu chuyện cảm động này. Tận trong sâu thẳm, chúng ta luôn ý thức chiến thắng không phải là tất cả, ý nghĩa thật sự của cuộc sống là ở chỗ ta giúp đỡ người khác cùng chiến thắng, dù ta có phải chậm một bước.

(Theo Quà tặng cuộc sống)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn bản.**Câu 2.** Đặt tiêu đề cho văn bản.**Câu 3.** Chỉ ra những câu đặc biệt được sử dụng trong văn bản và nêu ngắn gọn tác dụng.**Câu 4.** Thông điệp rút ra từ văn bản trên là gì?**II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

Phân tích cảnh "đám ma gương mẫu" trong đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia* (Trích *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng).

Đáp án đề 12**I. ĐỌC HIỂU****Câu 1:**

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các phương thức biểu đạt đã học: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, hành chính – công vụ.

* **Cách giải:**

- Phương thức biểu đạt chính: tự sự.

Câu 2:

* **Phương pháp:** Căn cứ vào nội dung của văn bản.

* **Cách giải:**

- Học sinh đặt tiêu đề phù hợp với nội dung của văn bản.

- Có thể đặt tiêu đề như sau: Sức mạnh của tình yêu thương, Trao gửi yêu thương,...

Câu 3:

* **Phương pháp:** Căn cứ vào đặc điểm của câu đặc biệt.

* **Cách giải:**

Các câu đặc biệt:

- Trừ một cậu bé.

=> Tác dụng: Thông báo về sự việc vừa xảy ra.

- Tất cả, không trừ một ai!

=> Tác dụng: Bộc lộ cảm xúc của người viết.

Câu 4:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp, bình luận

* **Cách giải:**

- Thông điệp rút ra từ đoạn trích: Tình yêu giữa con người với con người trong cuộc sống là điều cốt lõi và quan trọng nhất. Nhờ tình yêu thương mà con người có thể chiến thắng mọi hoàn cảnh.

II. LÀM VĂN

* **Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

* **Cách giải:**

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Vũ Trọng Phụng là cây bút tiểu thuyết và phóng sự có tài, có đóng góp vào sự phát triển của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Về phong cách nghệ thuật, Vũ Trọng Phụng là cây bút chuyên chú phát hiện và phanh phui cái xấu, cái ác trong xã hội tư sản thành thị với cái nhìn tinh tường cùng lối thể hiện trực diện đến trần trụi và lạnh lùng gần với bác sĩ ngoại khoa ngành giải phẫu.
- *Số đỏ* được coi là kiệt tác của Vũ Trọng Phụng và cũng là kiệt tác của văn xuôi Việt Nam trước 1945, xuất bản dưới dạng đăng nhiều kì trên Hà Nội báo, bắt đầu từ số 40, từ ngày 7 – 10 – 1936, in thành sách vào năm 1938.

- Số đồ ra đời như một sự thể hiện thái độ của Vũ Trọng Phụng đối với các phong trào rầm rộ nhưng nông nổi và hời hợt trong xã hội đô thị Việt Nam những năm 30 của thế kỉ trước.

2. Phân tích cảnh “đám ma gương mẫu”

a. Cảnh cất đám và đưa đám:

- Âm thanh:

+ Tiếng kèn xuân nữ náo nùng

+ Tiếng lóc bóc xoảng và bú dích

+ Kèn Ta, kèn Tây, kèn Ta lần lượt thi nhau rộ lên.

→ Đám ma đi đến đâu làm huyền não đến đấy.

- Hình ảnh: đám tang được tiến hành theo cả lối Ta, lối Tàu, lối Tây (lợn quay đi lợn, ba trăm câu đối,...) → To tát, linh đình, hồ lớn.

- Người đi đưa tang: đông đúc: “vài ba trăm người”

+ Đại diện cho lớp già: đám tai to mặt lớn bạn thân của cụ cố Hồng.

+ Đại diện lớp trẻ: đám giai thanh gái lịch.

→ Đám tang thừa nghi lễ, thiếu tình người.

- Điệp khúc “Đám cứ đi”:

+ “Đám”: nhìn xa là đám tang nhưng lại gần thì lại là đám rước, đám hội.

+ “Cứ đi”: thản nhiên phơi bày sự vô đạo đức giữa thanh thiên bạch nhật, không che giấu, không bận tâm, mặc kệ dư luận.

→ Dụng ý tác giả: Đám đông vô tình, vô nghĩa đang dần đi đến sự kết thúc, không thể để tồn tại những loại người này trong xã hội, làm vấy bẩn xã hội → Một lần nữa vạch trần bộ mặt xã hội thượng lưu thành thị.

b. Cảnh hạ huyết:

- Được đặc tả bằng hai chi tiết:

+ Tạo dáng chụp ảnh: người thân, người bạn cậu Tú Tân đang diễn trên sân khấu đám tang.

+ Đón kịch khóc thương và kịp thời tiến hành một cuộc hợp tác trao đổi mua bán → Ông Phán mọc sừng là diễn viên đại tài.

c. Nghệ thuật

- Nghệ thuật trào phúng

- Giọng điệu châm biếm, mỉa mai

3. Tổng kết

- Khái quát lại vấn đề.

Loigiaihay.com